

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
“V/v ban hành Quy chế về công tác quản lý đầu tư phát triển
thuộc Công ty Cổ phần LILAMA 45.1”

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.1

- Căn cứ Luật xây dựng: luật số 16/2003/QH 11 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam Khóa XI kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26/11/2003.
- Căn cứ Luật đấu thầu: luật số 61/2005/QH 11 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam Khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005.
- Căn cứ Luật đầu tư: luật số 59/2005/QH11 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam Khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005.
- Luật số: 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009-Luật sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản của Luật xây dựng số 16/2003/QH11, Luật đấu thầu số 61/2005/QH11, Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11, Luật đất đai số 13/2003/QH11 và Luật nhà ở số 56/2005/QH11 ngày 16/6/2006.
- Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
- Căn cứ Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.
- Căn cứ Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.
- Căn cứ Nghị định 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng.
- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LILAMA 45.1.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về công tác quản lý đầu tư phát triển thuộc Công ty Cổ phần LILAMA 45.1.
- Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số: 10/QĐ/HĐQT, ngày 25/10/2007 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LILAMA 45.1.
- Điều 3:** Tổng giám đốc Công ty, Trưởng các phòng ban Công ty, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.1
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Như điều 3
- HĐQT Tổng Cty (b/c)
- Lưu PC-ĐT

QUY CHẾ
VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.1
(Ban hành kèm theo Quyết định số : 58/QĐ/HĐQT/2011 ngày 10 tháng 08 năm 2011
của HĐQT Công ty Cổ phần LILAMA 45.1)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Nhằm quản lý thống nhất, tập trung, đảm bảo công tác đầu tư phát triển của Công ty Cổ phần LILAMA 45.1 thực hiện đúng quy định về trình tự thủ tục pháp lý về công tác đầu tư phát triển hiện hành của nhà nước (như các quy định của các luật liên quan đến công tác đầu tư phát triển), Công ty Cổ phần LILAMA 45.1 quy định như sau:

Điều 1. Phạm vi áp dụng :

Các dự án đầu tư xây dựng công trình và mua sắm thiết bị do Công ty Cổ phần LILAMA 45.1 là Chủ đầu tư gồm:

1. Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp nhà xưởng chế tạo thiết bị của Công ty.
2. Các dự án đầu tư xây dựng mới phát triển nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp.
3. Các dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị, mua sắm thiết bị thi công, phương tiện vận tải.
4. Các dự án đầu tư xây dựng mới công trình thủy điện, nhiệt điện,.
5. Các dự án đầu tư xây dựng khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc Công ty được giao nhiệm vụ quản lý đầu tư phát triển của Công ty.

CHƯƠNG II
XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Điều 3. Xây dựng định hướng chiến lược đầu tư phát triển.

- Tiếp tục đầu tư phát triển trong các lĩnh vực thi công xây lắp thuộc thế mạnh của Công ty gồm: Các công trình Nhiệt điện, thủy điện, công trình công nghiệp và dân dụng ... liên doanh, liên kết với các đơn vị khác để nâng cao năng lực thi công, năng lực tài chính để Công ty đảm nhận làm tổng thầu thi công xây dựng và làm chủ đầu tư dự án có sản lượng, doanh thu ổn định.

- Mở hướng đầu tư xây dựng phát triển nhà ở, khu đô thị, kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê ...

- Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công hiện đại, công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng yêu cầu SXKD phát triển với tốc độ cao, thi công các công trình có yêu cầu kỹ, mỹ thuật cao.

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, nhiệt điện vừa và nhỏ.

- Tham gia góp vốn đầu tư vào các dự án khác.

Căn cứ các mục tiêu kinh tế xã hội của đất nước đến năm 2020 đã được Đảng, Nhà nước, Chính phủ thông qua, căn cứ định hướng chiến lược phát triển của Công ty đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020 và kế hoạch đầu tư phát triển công nghiệp nơi đơn vị đóng trụ sở

và các khu vực hoạt động, Công ty chủ động xây dựng định hướng đầu tư phát triển của Công ty để trình HĐQT Công ty quyết định, thông qua Đại hội đồng cổ đông.

Định hướng đầu tư phát triển của Công ty phải phân tích và đề xuất được mục tiêu phát triển dài hạn cũng như cho từng giai đoạn và hàng năm phù hợp với năng lực quản lý, sở trường, khả năng huy động các nguồn lực.

Nội dung định hướng đầu tư phát triển của Công ty phải đưa ra các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh bao gồm:

1. Giá trị tổng sản lượng phải phấn đấu để đạt được cho từng năm, từng giai đoạn và đến năm 2020.
2. Cơ cấu ngành nghề SXKD cho từng năm, cho giai đoạn và đến năm 2020 (tính theo tỷ lệ % trong tổng giá trị sản lượng):
 - Giá trị sản lượng xây lắp.
 - Giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp.
 - Giá trị sản lượng dịch vụ (tur vãn, quản lý dự án...)

Căn cứ các chỉ tiêu trên để xác định định hướng đầu tư phát triển để đáp ứng, trong đó làm rõ:

- a. Danh mục các dự án đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp (có danh mục ưu tiên).
- b. Danh mục các thiết bị phục vụ cho sản xuất xây lắp.
- c. Tổng mức đầu tư dự kiến cho từng năm và cả giai đoạn.

Điều 4. Kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm.

1. Trên cơ sở định hướng đầu tư phát triển của Công ty đã được HĐQT Công ty quyết định, thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 cùng với các yếu tố thuận lợi, và những khó khăn thách thức, Công ty cổ phần LILAMA 45.1 sẽ phát huy cao độ kết quả đã đạt được trong những năm qua, khắc phục những yếu kém để dần ổn định và phát triển SXKD theo định hướng của Công ty phù hợp với xu hướng phát triển chung của đất nước, phấn đấu đưa công ty hòa vào sự công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đem lại cuộc sống ấm no cho toàn thể CBCNV trong Công ty, củng cố và phát triển thương hiệu LILAMA 45.1 ngày càng vững mạnh trên thương trường. Cụ thể Công ty tổ chức triển khai lập kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm, giai đoạn và đến năm 2020 chi tiết cho từng dự án trình HĐQT chấp thuận chủ trương đầu tư.

Việc lập kế hoạch đầu tư phải được lập vào quý III của năm trước theo đúng biểu mẫu quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sau khi kế hoạch đầu tư xây dựng được HĐQT phê duyệt, thông qua Đại hội đồng cổ đông, Công ty triển khai đầu tư dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước về công tác đầu tư phát triển.

CHƯƠNG III TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRIỂN KHAI CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.1

MỤC I - DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 5. Trình tự đầu tư và xây dựng công trình.

Trình tự đầu tư và xây dựng công trình bao gồm 3 giai đoạn:

1. Chuẩn bị đầu tư.
2. Thực hiện đầu tư.
3. Kết thúc đầu tư xây dựng đưa công trình vào sử dụng.

Các công việc trong giai đoạn thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng có thể thực hiện tuần tự hoặc gói đầu, xen kẽ tùy theo điều kiện cụ thể của từng dự án do người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định.

Điều 6. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư :

Âm dung công việc giai đoạn chuẩn bị đầu tư gồm:

- Tìm kiếm và xác định cơ hội đầu tư: xác định hiện trạng pháp lý của khu đất, đánh giá khả năng đầu tư và hiệu quả kinh tế của khu đất, làm việc với đơn vị chủ quản để thống nhất chủ trương hợp tác đầu tư.

- Chuẩn bị các thủ tục pháp lý tham gia đầu tư: Xin giới thiệu địa điểm; Xin thỏa thuận với quận - huyện, phường - xã, cũng như chủ trương đầu tư của UBND Tỉnh- thành phố (Gửi tờ trình xin lập Dự án đầu tư).

- Xin thông tin quy hoạch kiến trúc khu đất: tính chất sử dụng khu đất, mật độ xây dựng, chiều cao trung bình, hệ số sử dụng đất, khoảng lùi, chỉ giới xây dựng. (Đây là những căn cứ quan trọng để thiết kế công trình).

- Lập bản đồ khảo sát địa hình tỉ lệ 1/500 và các số liệu khu đất.

- Lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

Điều 7. Giai đoạn thực hiện đầu tư :

Âm dung công việc giai đoạn thực hiện đầu tư gồm:

- Lập quy hoạch tổng mặt bằng khu đất với khu đất có quy mô nhỏ hơn 5Ha (âm hồ hơn 2 Ha đối với dự án nhà chung cư), hay hồ sơ quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 với khu đất có quy mô lớn hơn 5Ha (lớn hơn 2 Ha đối với dự án nhà chung cư). Có thể triển khai thiết kế phương án kiến trúc sơ bộ đồng thời với thiết kế tổng mặt bằng để đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật và phù hợp không gian kiến trúc với khu vực xung quanh.

Lưu ý: Đối với hồ sơ quy hoạch chi tiết 1/500, Công ty phải lập nhiệm vụ thiết kế, đề sớ quy hoạch kiến trúc thẩm định và UBND tỉnh, thành phố phê duyệt, khi đó mới đủ cơ sở để thiết kế phương án kiến trúc.

- Thẩm định phương án tổng mặt bằng khu đất hoặc hồ sơ quy hoạch chi tiết 1/500. Có thể xin thẩm định đồng thời phương án thiết kế kiến trúc sơ bộ với thiết kế tổng mặt bằng.

- Lựa chọn phương án chọn để làm thiết kế cơ sở.

Lưu ý: Khâu thiết kế thường bao gồm 2 bước là thiết kế cơ sở và thiết kế chi tiết, tương ứng với các bước thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công được quy định tại điều 54 của Luật xây dựng Việt âm năm 2003.

- Xin công văn thỏa thuận các chuyên ngành (Thỏa thuận về môi trường và thoát nước, cấp điện, cấp nước, phòng cháy chữa cháy).

- Khoan khảo sát địa chất công trình.

- Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế cơ sở.

- Lập báo cáo đầu tư (Dự án đầu tư) để thẩm định và phê duyệt.

- Xin giao đất, thuê đất (đối với dự án có sử dụng đất): Công ty có nhu cầu sử dụng đất phải lập hồ sơ xin giao đất hoặc thuê đất theo quy định của pháp luật gửi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét giải quyết. Việc thu hồi đất, giao nhận đất tại hiện trường thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

- Thành lập Ban QLDA hoặc thuê Tư vấn QLDA.

- Thiết kế các bước tiếp theo (thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán): Các tài liệu về thăm dò, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, khí tượng và các tài liệu khác khi dùng để thiết kế xây dựng các công trình phải do tổ chức có tư cách pháp nhân về các lĩnh vực nêu trên cung cấp. Công ty có trách nhiệm tổ chức lập thiết kế xây dựng công trình, trường hợp Công ty có đủ năng lực thì được tự thiết kế, trường hợp Công ty không có đủ năng lực thì thuê tổ chức tư vấn thiết kế. Việc thiết kế xây dựng phải tuân theo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng do âm hà nước ban hành. âm ều áp dụng quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ

thuật xây dựng của nước ngoài thì phải được Bộ Xây dựng chấp thuận bằng văn bản. Tổ chức thiết kế phải lập tổng dự toán của thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công. Tổng dự toán không được lớn hơn tổng mức đầu tư đã duyệt; nếu lớn hơn thì tổ chức thiết kế phải thiết kế tính toán lại cho phù hợp.

- Tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ TKKT và thiết kế BVTC, TDT: Việc thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán phải thực hiện đầy đủ các quy định về thủ tục, trình tự kỹ thuật nhằm bảo đảm chất lượng thiết kế và tổng dự toán.

*  ội dung thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công được quy định tại điều 18 của nghị định 12/2009/  Đ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

*  ội dung thẩm định tổng dự toán bao gồm: Kiểm tra tính đúng đắn của các định mức, đơn giá và việc vận dụng định mức, đơn giá, các chế độ, chính sách có liên quan và các khoản mục chi phí theo quy định của nhà nước. Sự phù hợp giữa khối lượng thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán. Xác định giá trị tổng dự toán kể cả thiết bị để so sánh với tổng mức đầu tư đã duyệt .

* Phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán.

- Xin cấp phép xây dựng (nếu yêu cầu phải có giấy phép xây dựng).

- Thực hiện việc đền bù giải phóng mặt bằng: Công ty chịu trách nhiệm thực hiện đền bù và giải phóng mặt bằng xây dựng theo tiến độ và bàn giao mặt bằng xây dựng cho nhà thầu xây dựng. Công ty có thể tự tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng hoặc thuê tổ chức chuyên trách của địa phương để thực hiện.

- Lập hồ sơ mời thầu, dự thầu và lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng, cung cấp thiết bị, công nghệ.

- Thi công xây dựng công trình gồm:

* Thi công xây dựng công trình.

* Giám sát thi công công trình.

*   nghiệm thu công trình.

*   nghiệm thu, thanh quyết toán các hợp đồng tư vấn.

Điều 8. Giai đoạn kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng:

Nội dung công việc giai đoạn kết thúc đầu tư bàn giao đưa vào sử dụng gồm:

1. Bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, kết thúc xây dựng công trình:

- Công trình xây dựng chỉ được bàn giao toàn bộ cho Công ty hoặc đơn vị được giao quản lý (trực thuộc Công ty) khai thác và sử dụng khi đã xây lắp hoàn chỉnh theo thiết kế được duyệt, vận hành đúng yêu cầu kỹ thuật và nghiệm thu đạt yêu cầu chất lượng (kể cả việc hoàn thiện nội, ngoại thất công trình và thu dọn vệ sinh mặt bằng).

- Khi bàn giao toàn bộ công trình, phải giao cả hồ sơ hoàn thành công trình, những tài liệu về các vấn đề có liên quan đến công trình được bàn giao, tài liệu hướng dẫn sử dụng, quản lý, chế độ duy tu bảo dưỡng công trình.

- Biên bản tổng nghiệm thu bàn giao công trình là văn bản pháp lý để Công ty đưa công trình vào khai thác sử dụng và quyết toán vốn đầu tư.

- Hoạt động xây dựng được kết thúc khi công trình đã được hoàn thành bàn giao toàn bộ cho Công ty hoặc đơn vị được giao quản lý khai thác và sử dụng.

- Sau khi bàn giao công trình, nhà thầu xây dựng phải di chuyển hết tài sản, con người của mình ra khỏi khu vực xây dựng công trình và chịu trách nhiệm theo dõi, sửa chữa các hư hỏng của công trình cho đến khi hết thời hạn bảo hành.

- Hiệu lực hợp đồng xây lắp chỉ được chấm dứt hoàn toàn và thanh quyết toán toàn bộ khi hết thời hạn bảo hành công trình.

2. Công tác bảo hành công trình:

-   hà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm bảo hành công trình; nhà thầu cung ứng thiết bị công trình có trách nhiệm bảo hành thiết bị công trình.

- ả ội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của nhà thầu gây ra.

- Thời gian bảo hành công trình được xác định theo loại và cấp công trình. Thời hạn tối thiểu bảo hành công trình được tính từ ngày nhà thầu bàn giao công trình hoặc hạng mục công trình theo quy định tại điều 29 chương VI nghị định 209/2005 ả Đ-CP.

- Mức tiền tối thiểu bảo hành xây lắp công trình được quy định tại điều 29 chương VI nghị định 209/2005 ả Đ-CP .

3. Công tác vận hành, quản lý, khai thác công trình :

- Sau khi nhận bàn giao công trình, Công ty hoặc đơn vị được giao quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm khai thác, sử dụng năng lực công trình... nhằm phát huy đầy đủ các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã được đề ra trong dự án.

- Công ty hoặc đơn vị được giao quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm thực hiện bảo trì công trình theo quy định hiện hành .

4. Quyết toán vốn đầu tư:

- Tất cả các dự án đầu tư sau khi hoàn thành đưa dự án vào khai thác sử dụng đều phải quyết toán vốn đầu tư. Công ty chịu trách nhiệm quyết toán vốn đầu tư.

- ả ười có thẩm quyền quyết định đầu tư đồng thời là người phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

Điều 9. Lập , thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Khi đầu tư xây dựng công trình, Công ty phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình (Báo cáo nghiên cứu khả thi) để xem xét, đánh giá hiệu quả về kinh tế – xã hội của dự án và trình người quyết định đầu tư thẩm định và phê duyệt trừ một số công trình theo quy định tại khoản 1 điều 13 của ả ệ thị định số 12/2009/ả Đ-CP của Chính phủ và khoản 5 điều 35 của Luật xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

- Căn cứ vào chủ trương lập DAĐT được người có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan, Công ty tổ chức chọn nhà thầu tư vấn lập DAĐT đảm bảo các yêu cầu: có chức năng, có đủ năng lực theo quy định tại điều 38 của Luật xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan phù hợp với quy mô, tính chất của dự án đầu tư.

- ả hà thầu tư vấn có thể là một nhà thầu thực hiện toàn bộ các công việc từ khảo sát, thiết kế cơ sở (hoặc thiết kế bản vẽ thi công) và dự án đầu tư (hoặc báo cáo kinh tế – kỹ thuật), hoặc gồm các nhà thầu khác nhau thực hiện một hay nhiều công việc trong quá trình lập DAĐT trên .

- Việc lựa chọn nhà thầu tư vấn lập dự án chủ yếu áp dụng hình thức chỉ định thầu.

- Sau khi có quyết định chỉ định thầu, Công ty và nhà thầu ký kết hợp đồng thực hiện công tác tư vấn lập dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật về Hợp đồng kinh tế, quản lý dự án ĐTXD công trình và chủ trương lập DAĐT được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1. Yêu cầu đối với dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Dự án đầu tư xây dựng công trình phải đảm bảo các yêu cầu chủ yếu được quy định trong điều 36 của luật xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Nội dung dự án đầu tư xây dựng công trình.

- ả ội dung Dự án đầu tư xây dựng công trình bao gồm hai phần phần thuyết minh và phần thiết kế cơ sở theo hướng dẫn tại điều 37 của luật xây dựng và điều 7, 8 của nghị định số 12/2009/ả Đ-CP của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Hồ sơ thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình .

Hồ sơ trình thẩm định dự án đầu tư XDCT bao gồm :

- Tờ trình thẩm định dự án (theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo ả ệ thị định số 12/2009/ả Đ-CP của Chính phủ).

- Dự án đầu tư xây dựng công trình bao gồm phần thuyết minh và phần thiết kế cơ sở.

- Các văn bản liên quan khác.

4. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình .

- Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 39 của luật xây dựng và điều 10 nghị định số 12/2009/ă Đ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

- ă hội dung thẩm định dự án được quy định tại điều 11 nghị định 12/2009/ă Đ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Phê duyệt các dự án đầu tư.

Sau khi nhà thầu tư vấn lập xong hồ sơ dự án đầu tư (bao gồm cả thiết kế cơ sở), Chủ đầu tư và nhà thầu tổ chức nghiệm thu giai đoạn chuẩn bị đầu tư để gửi hồ sơ đến cơ quan chức năng thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. ă gười có thẩm quyền quyết định đầu tư chỉ được quyết định đầu tư khi đ ă kết quả thẩm định dự án. Riêng đối với các dự án sử dụng vốn tín dụng, tổ chức cho vay vốn thẩm định phương án tài chính và phương án trả nợ để chấp thuận cho vay hoặc không cho vay trước khi người có thẩm quyền quyết định đầu tư. ă hội dung quyết định đầu tư xây dựng công trình theo mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo ă ghi định số 12/2009/ă Đ-CP của Chính phủ.

Điều 10. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp được quy định tại điều 40 của luật xây dựng và khoản 1 điều 14 nghị định 12/2009/ă Đ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

- Khi điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án hoặc vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì Công ty phải báo cáo người quyết định đầu tư quyết định. Trường hợp điều chỉnh dự án không làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu và không vượt tổng mức đầu tư thì Công ty được phép tự điều chỉnh dự án. ă hững nội dung thay đổi phải được thẩm định lại.

- ă gười quyết định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Điều 11. Nội dung, hình thức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình:

1- Nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình gồm quản lý thi công và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

1.1 Quản lý thi công xây dựng công trình bao gồm: Quản lý chất lượng, quản lý tiến độ, quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình, quản lý an toàn lao động trên công trường xây dựng, quản lý môi trường xây dựng. Riêng quản lý chất lượng xây dựng được thực hiện theo các quy định của ă ghi định và các văn bản pháp luật có liên quan về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

+ Quản lý tiến độ thi công xây dựng công trình.

- Công trình xây dựng trước khi triển khai phải được lập tiến độ thi công xây dựng. Tiến độ thi công xây dựng công trình phải phù hợp với tổng tiến độ của dự án đã được phê duyệt.

- Đối với công trình xây dựng có quy mô lớn và thời gian thi công kéo dài thì tiến độ xây dựng công trình phải được lập cho từng giai đoạn theo tháng, quý, năm.

- ă hà thầu thi công xây dựng công trình có nghĩa vụ lập tiến độ thi công xây dựng chi tiết, bố trí xen kẽ kết hợp các công việc cần thực hiện nhưng phải bảo đảm phù hợp với tổng tiến độ của dự án.

- Công ty, nhà thầu thi công xây dựng, tư vấn giám sát và các bên có liên quan có trách nhiệm theo dõi, giám sát tiến độ thi công xây dựng công trình và điều chỉnh tiến độ trong trường hợp tiến độ thi công xây dựng ở một số giai đoạn bị kéo dài nhưng không được làm ảnh hưởng đến tổng tiến độ của dự án. (Trường hợp xét thấy tổng tiến độ của dự án bị kéo dài thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư để đưa ra quyết định việc điều chỉnh tổng tiến độ của dự án).

- Khuyến khích việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng trên cơ sở bảo đảm chất lượng công trình (Trường hợp đẩy nhanh tiến độ xây dựng đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án thì nhà thầu

xây dựng được xét thưởng theo hợp đồng. Trường hợp kéo dài tiến độ xây dựng gây thiệt hại thì bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại và bị phạt vi phạm hợp đồng).

+ Quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình.

- Việc thi công xây dựng công trình phải được thực hiện theo khối lượng của thiết kế được duyệt.

- Khối lượng thi công xây dựng được tính toán, xác nhận giữa các bên gồm: Công ty, nhà thầu thi công xây dựng, tư vấn giám sát theo thời gian hoặc giai đoạn thi công và được đối chiếu với khối lượng thiết kế được duyệt để làm cơ sở nghiệm thu, thanh toán theo hợp đồng.

- Khi có khối lượng phát sinh ngoài thiết kế, dự toán xây dựng công trình được duyệt thì Công ty và nhà thầu thi công xây dựng phải xem xét để xử lý. Riêng đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, khi có khối lượng phát sinh ngoài thiết kế, dự toán xây dựng công trình làm vượt tổng mức đầu tư thì Công ty phải báo cáo người quyết định đầu tư để xem xét, quyết định (Khối lượng phát sinh được Công ty hoặc người quyết định đầu tư chấp thuận, phê duyệt là cơ sở để thanh toán, quyết toán công trình).

- ả nghiêm cấm việc khai khống, khai tăng khối lượng hoặc thông đồng giữa các bên tham gia dẫn đến làm sai khối lượng thanh toán.

+ Quản lý an toàn lao động trên công trường xây dựng.

- ả hà thầu thi công xây dựng phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng. Trường hợp các biện pháp an toàn liên quan đến nhiều bên thì phải được các bên thỏa thuận.

- Các biện pháp an toàn, nội quy về an toàn phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

- Công ty, ả hà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. ả gười đề xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- ả hà thầu xây dựng có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo an toàn lao động. ả nghiêm cấm sử dụng người lao động chưa được đào tạo và chưa được hướng dẫn về an toàn lao động.

- ả hà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động theo quy định khi sử dụng lao động trên công trường.

- Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

+ Quản lý môi trường xây dựng.

- ả hà thầu thi công xây dựng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

2.1 Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình :

Việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình được thực hiện theo quy định tại ả ghi định số 112/2009/ả Đ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ. Công ty chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý chi phí từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc xây dựng đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

2- Các hình thức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

ả gười quyết định đầu tư quyết định hình thức quản lý dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 45 của Luật Xây dựng.

- Khi áp dụng hình thức chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình thì Công ty thành lập Ban Quản lý dự án để giúp Công ty quản lý dự án. Ban Quản lý dự án phải có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án theo yêu cầu của Công ty về quản lý dự án. Ban Quản lý dự án có thể thuê tư vấn quản lý, giám sát một số phần việc mà Ban Quản lý dự án không có đủ điều kiện, năng lực để thực hiện nhưng phải được sự đồng ý của chủ đầu tư. (Đối với dự án có quy mô nhỏ, đơn giản có tổng mức đầu tư dưới 7 tỷ đồng thì Công ty có thể không lập Ban Quản lý dự án mà sử dụng bộ máy chuyên môn của mình để quản lý, điều hành dự án hoặc thuê người có chuyên môn, kinh nghiệm để giúp quản lý thực hiện dự án).

- Trường hợp Công ty thuê tổ chức tư vấn quản lý điều hành dự án thì tổ chức tư vấn đó phải có đủ điều kiện năng lực tổ chức quản lý phù hợp với quy mô, tính chất của dự án. Trách nhiệm, quyền hạn của tư vấn quản lý dự án được thực hiện theo hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên. Tư vấn quản lý dự án được thuê tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia quản lý nhưng phải được Công ty chấp thuận và phù hợp với hợp đồng đã ký với Công ty. (Khi áp dụng hình thức thuê tư vấn quản lý dự án, Công ty vẫn phải sử dụng các đơn vị chuyên môn thuộc bộ máy của mình hoặc chỉ định đầu mối để kiểm tra, theo dõi việc thực hiện hợp đồng của tư vấn quản lý dự án).

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư và Ban Quản lý dự án hoặc tư vấn quản lý dự án.

- ả nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư và Ban Quản lý dự án hoặc tư vấn quản lý dự án được quy định tại điều 34, điều 35 của ả ghi định số **12/2009/NĐ-CP** và các **quy định pháp luật có liên quan.**

MỤC II - DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA SẮM THIẾT BỊ XE MÁY CỦA CÔNG TY .

Với các dự án mua sắm thiết bị xe máy thì Công ty tổ chức lập dự án đầu tư sau khi được HĐQT Công ty hoặc Tổng Giám đốc (ả ều được phân cấp hoặc ủy quyền) phê duyệt chủ trương đầu tư. Việc lập Dự án và thẩm định dự án đầu tư mua sắm thiết bị xe máy hàng năm của Công ty phải căn cứ vào kế hoạch sản xuất, năng lực tài chính, năng lực thiết bị xe máy hiện có và chiến lược phát triển của mỗi Công ty. ả ội dung dự án đầu tư cần nêu rõ mục tiêu đầu tư, chủng loại, xuất xứ, đặc tính kỹ thuật, kinh phí của từng loại máy móc, thiết bị, phương án lắp đặt vận hành, bảo hành, nguồn vốn đầu tư làm cơ sở để thẩm định và trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

Trình tự và nội dung lựa chọn nhà thầu đầu tư thiết bị xe máy căn cứ theo Luật đấu thầu số 61/2005/ QH11 của Quốc Hội, ả ghi định số **85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009** của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn liên quan khác của nhà nước và hướng dẫn của Tổng công ty để thực hiện;

MỤC III- LỰA CHỌN NHÀ THẦU TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, ĐẤU THẦU MUA SẮM HÀNG HÓA

Điều 13. Lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng

1. Lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng phải tuân theo các quy định của Luật Xây dựng và Luật Đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Quy định cụ thể thực hiện theo ả ghi định số 85/2009/ả Đ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 14. Các hình thức lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng và đấu thầu mua sắm hàng hóa.

Tùy theo quy mô, tính chất, nguồn vốn xây dựng công trình, người quyết định đầu tư hoặc ả gười được ủy quyền quyết định đầu tư lựa chọn nhà thầu theo các hình thức được quy định từ điều 18 đến điều 23 của luật đấu thầu gồm:

1. **Đấu thầu rộng rãi:** Đấu thầu rộng rãi là hình thức đấu thầu không hạn chế số lượng nhà thầu tham gia. Bên mời thầu phải thông báo công khai về các điều kiện, thời gian dự thầu trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi phát hành hồ sơ mời thầu. Hình thức đấu thầu này có ưu điểm nổi bật là tính cạnh tranh trong đấu thầu cao, hạn chế tiêu cực trong đấu thầu, kích thích các nhà thầu phải thường xuyên nâng cao năng lực cạnh tranh, mang lại hiệu quả cao cho dự án.
2. **Đấu thầu hạn chế:** Đấu thầu hạn chế là hình thức đấu thầu mà bên mời thầu mời một số nhà thầu (tối thiểu là 3 hoặc 5 tùy theo quy mô gói thầu) có đủ năng lực tham dự. Danh sách nhà thầu tham dự phải được người có thẩm quyền hoặc cấp có thẩm quyền chấp thuận.
3. **Chỉ định thầu:** Chỉ định thầu là hình thức chọn trực tiếp nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu để thương thảo hợp đồng.
4. **Mua sắm trực tiếp:** Được áp dụng trong trường hợp bổ sung hợp đồng cũ đã thực hiện xong (dưới một năm) hoặc hợp đồng đang thực hiện do có nhu cầu tăng thêm số lượng hàng hóa hoặc khối lượng công việc mà trước đó đã được tiến hành theo các hình thức lựa chọn nhà thầu, nhưng phải đảm bảo không được vượt mức giá hoặc đơn giá trong hợp đồng đã ký trước đó hoặc phù hợp với biến động giá thị trường. Trước khi ký hợp đồng, nhà thầu phải chứng minh có đủ năng lực về kỹ thuật và tài chính để thực hiện gói thầu.
5. **Chào hàng cạnh tranh trong mua sắm hàng hóa:** Hình thức này được áp dụng cho những gói thầu mua sắm hàng hóa có giá trị dưới 2 tỷ đồng. Mỗi gói thầu phải có ít nhất 3 chào hàng của 3 nhà thầu khác nhau trên cơ sở yêu cầu chào hàng của Bên mời thầu. Gói thầu áp dụng hình thức này thường có sản phẩm cụ thể, đơn vị trúng thầu thường là đơn vị đưa ra giá có giá trị thấp nhất, không thương thảo về giá.
6. **Tự thực hiện:** Hình thức này chỉ được áp dụng đối với các gói thầu mà Công ty có đủ năng lực thực hiện trên cơ sở tuân thủ quy định Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 15. Trình tự thực hiện Đấu thầu:

Trình tự thực hiện đấu thầu gồm các bước sau:

1. Kế hoạch đấu thầu;
 2. Chuẩn bị đấu thầu;
 3. Tổ chức đấu thầu;
 4. Làm rõ hồ sơ mời thầu;
 5. Trình tự đánh giá hồ sơ mời thầu;
 6. Làm rõ hồ sơ dự thầu;
 7. Xét duyệt trúng thầu;
 8. Trình thẩm định kết quả đấu thầu;
 9. Phê duyệt kết quả đấu thầu;
 10. Thông báo kết quả đấu thầu;
 11. Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng.
- ả ội dung các bước thực hiện theo quy định từ điều 32 đến điều 42 của luật đấu thầu.

MỤC IV- KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU

Điều 16. Căn cứ lập kế hoạch đấu thầu:

Kế hoạch đấu thầu được lập căn cứ các hồ sơ tài liệu được quy định tại điều 9 của nghị định 85/2009/ả Đ-CP ngày 15/10/2009 làm cơ sở pháp lý để tổ chức lựa chọn nhà thầu gồm:

1. Quyết định đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư và các tài liệu có liên quan.
Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định đầu tư thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án.
2. Điều ước quốc tế hoặc văn bản thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA.
3. Thiết kế, dự toán được duyệt (nếu có).
4. ả nguồn vốn cho dự án.
5. Các văn bản pháp lý khác liên quan (nếu có).

Điều 17. Nội dung của từng gói thầu trong kế hoạch đấu thầu:

Việc phân chia dự án thành các gói thầu được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Luật Đấu thầu, bảo đảm quy mô gói thầu không quá nhỏ hoặc quá lớn làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu. ả nội dung của từng gói thầu theo hướng dẫn tại Điều 10 của ả ghi định 85/2009/ả Đ-CP bao gồm:

1. Tên gói thầu:

Tên gói thầu thể hiện tính chất, nội dung và phạm vi công việc của gói thầu, phù hợp với nội dung nêu trong dự án. Trường hợp đủ điều kiện và căn cứ đặc thù của dự án, gói thầu có thể bao gồm các nội dung công việc lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, lập báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế kỹ thuật. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt (nhiều lô), trong kế hoạch đấu thầu cần nêu tên thể hiện nội dung cơ bản của từng phần.

2. Giá gói thầu:

- Giá gói thầu được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư hoặc tổng vốn đầu tư, dự toán được duyệt (nếu có) và các quy định liên quan.
- Đối với các gói thầu dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, giá gói thầu được xác định trên cơ sở các thông tin sau: giá trung bình theo thống kê các dự án được thực hiện liên quan của ngành trong khoảng thời gian xác định; ước tính tổng mức đầu tư theo định mức suất đầu tư của các dự án thuộc từng lĩnh vực chuyên ngành; sơ bộ tổng mức đầu tư.
- Trường hợp gói thầu gồm nhiều lô thì nêu rõ giá trị ước tính cho từng phần trong giá gói thầu.

3. Nguồn vốn:

Đối với mỗi gói thầu phải nêu rõ nguồn vốn hoặc phương thức thu xếp vốn để thanh toán cho nhà thầu; trường hợp sử dụng vốn ODA thì phải nêu rõ tên nhà tài trợ vốn và cơ cấu nguồn vốn (ngoài nước, trong nước).

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu:

ả ều hình thức lựa chọn nhà thầu (nêu rõ trong nước, quốc tế, sơ tuyển, mời quan tâm, lựa chọn tư vấn cá nhân, nếu có) theo quy định từ Điều 18 đến Điều 24 của Luật Đấu thầu, khoản 4 Điều 2 của Luật sửa đổi và Điều 97 của Luật Xây dựng; phương thức đấu thầu theo quy định tại Điều 26 của Luật Đấu thầu.

5. Thời gian lựa chọn nh thầu:

ả ều thời gian tổ chức thực hiện việc lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu để bảo đảm tiến độ của gói thầu. Thời gian lựa chọn nhà thầu được tính từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến ngày ký kết hợp đồng. Trường hợp đấu thầu rộng rãi có áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn, thời gian lựa chọn nhà thầu được tính từ ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm đến ngày ký kết hợp đồng.

6. Hình thức hợp đồng:

Tùy theo tính chất của gói thầu, xác định các hình thức hợp đồng áp dụng đối với hợp đồng cho gói thầu theo quy định từ Điều 49 đến Điều 53 của Luật Đấu thầu và Điều 107 của Luật Xây dựng. Trường hợp trong một gói thầu có nhiều công việc tương ứng với nhiều hình thức hợp đồng thì hợp đồng đối với gói thầu đó có thể bao gồm nhiều hình thức hợp đồng.

7. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng, bảo đảm việc thực hiện gói thầu phù hợp với tiến độ thực hiện dự án.

Điều 18. Trình duyệt kế hoạch đấu thầu:

1. Trách nhiệm trình duyệt

Cá nhân hoặc bộ phận được phân công có trách nhiệm trình kế hoạch đấu thầu lên người có thẩm quyền hoặc HĐQT Công ty xem xét, phê duyệt, đồng thời gửi cho cơ quan, tổ chức thẩm định nếu cần.

2. Hồ sơ trình duyệt

Hồ sơ trình duyệt kế hoạch đấu thầu bao gồm các nội dung theo hướng dẫn tại khoản 2 điều 11 của   ghi định 85/2009/  Đ-CP bao gồm :

a- Văn bản trình duyệt kế hoạch đấu thầu bao gồm những nội dung sau đây:

- Phần công việc đã thực hiện bao gồm nội dung công việc liên quan tới chuẩn bị dự án, các gói thầu thực hiện trước với giá trị tương ứng và căn cứ pháp lý để thực hiện;

- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định từ Điều 18 đến Điều 24 của Luật Đấu thầu, khoản 4 Điều 2 của Luật sửa đổi và Điều 97 của Luật Xây dựng;

- Phần công việc thuộc kế hoạch đấu thầu bao gồm nội dung công việc và giá trị phần công việc tương ứng hình thành các gói thầu được thực hiện theo một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định từ Điều 18 đến Điều 24 của Luật Đấu thầu, khoản 4 Điều 2 của Luật sửa đổi và Điều 97 của Luật Xây dựng, kể cả các công việc như rà phá bom, mìn, vật nổ, xây dựng khu tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng, bảo hiểm công trình, đào tạo; cơ sở của việc chia dự án thành các gói thầu. Đối với từng gói thầu, phải bảo đảm có đủ các nội dung quy định tại Điều 10 của **Nghị định 85/2009/NĐ-CP**.

Đối với gói thầu không áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, trong văn bản trình kế hoạch đấu thầu, cá nhân hoặc bộ phận được phân công phải nêu rõ lý do áp dụng hình thức lựa chọn khác trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng, Luật sửa đổi và   ghi định liên quan. Đối với gói thầu có giá trị trong hạn mức chỉ định thầu hoặc do yêu cầu đặc biệt khác áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Luật sửa đổi và khoản 1 Điều 40 của   ghi định 85/2009/  Đ-CP còn phải bảo đảm việc chỉ định thầu hiệu quả hơn so với đấu thầu rộng rãi bằng cách lượng hóa tính hiệu quả các yếu tố về kinh tế - xã hội và các yếu tố khác.

- Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch đấu thầu (nếu có): phải nêu nội dung và giá trị phần công việc còn lại của dự án.

Tổng giá trị các phần công việc được thực hiện, phần công việc không áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu, phần công việc thuộc kế hoạch đấu thầu và phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch đấu thầu (nếu có) không được vượt tổng mức đầu tư của dự án.

Trường hợp cần thiết phải lập kế hoạch đấu thầu cho một hoặc một số gói thầu để thực hiện trước theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật Đấu thầu thì trong văn bản trình duyệt vẫn phải bao gồm cc nội dung như quy định tại khoản này.

b) Tài liệu kèm theo văn bản trình duyệt

Khi trình duyệt kế hoạch đấu thầu, Cá nhân hoặc bộ phận được phân công phải gửi kèm theo bản sao các tài liệu làm căn cứ lập kế hoạch đấu thầu theo quy định tại Điều 9 của   ghi định 85/2009/  Đ-CP.

Điều 19. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu

Thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu thực hiện theo hướng dẫn tại điều 12 của   ghi định 85/2009/  Đ-CP bao gồm:

1. Thẩm định kế hoạch đấu thầu

- Thẩm định kế hoạch đấu thầu là việc tiến hành kiểm tra, đánh giá các nội dung theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của   ghị định 85/2009/  Đ-CP .

- Cơ quan, tổ chức thẩm định kế hoạch đấu thầu phải lập báo cáo kết quả thẩm định trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu trình người có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phê duyệt kế hoạch đấu thầu

  gười có thẩm quyền hoặc người được uỷ quyền quyết định đầu tư; người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định đầu tư có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch đấu thầu trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan, tổ chức thẩm định.

MỤC V- ĐẤU THẦU RỘNG RÃI VÀ ĐẤU THẦU HẠN CHẾ ĐỐI VỚI GÓI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN

Điều 20. Quy trình đấu thầu bao gồm các nội dung sau :

- Chuẩn bị đấu thầu
- Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu
- Tổ chức đấu thầu
- Đánh giá hồ sơ dự thầu
- Đàm phán hợp đồng
- Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt và thông báo kết quả đấu thầu
- Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng

Các nội dung trên thực hiện theo quy định từ Điều 15 đến Điều 22 của   ghị định số 85/2009/  Đ-CP .

MỤC VI- ĐẤU THẦU RỘNG RÃI VÀ ĐẤU THẦU HẠN CHẾ ĐỐI VỚI GÓI THẦU MUA SẮM HÀNG HOÁ, XÂY LẮP

Quy trình đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật liên quan, và các chính sách của nhà nước về thuế, tiền lương, ưu đãi nhà thầu trong nước hoặc các quy định khác liên quan. Quy trình đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp gồm các mục sau:

- Đấu thầu một giai đoạn .
- Đấu thầu hai giai đoạn.
- Các hình thức lựa chọn nhà thầu khác .

  ội dung theo hướng dẫn từ Điều 23 đến Điều 44 của   ghị định số 85/2009/  Đ-CP bao gồm :

A . ĐẤU THẦU MỘT GIAI ĐOẠN :

Điều 21. Chuẩn bị đấu thầu

1. Sơ tuyển nhà thầu: thực hiện theo quy định tại Chương III của   ghị định số 85/2009/  Đ-CP.

2. Lập hồ sơ mời thầu:

a) Căn cứ lập hồ sơ mời thầu:

- Quyết định đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư và các tài liệu có liên quan;
- Kế hoạch đấu thầu được duyệt;
- Tài liệu về thiết kế kèm theo dự toán được duyệt (đối với gói thầu xây lắp);
- Các quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật liên quan; điều ước quốc tế hoặc văn bản thỏa thuận quốc tế (nếu có) đối với các dự án sử dụng vốn ODA;
- Các chính sách của   hà nước về thuế, tiền lương, ưu đãi nhà thầu trong nước hoặc các quy định khác liên quan.

b) Nội dung hồ sơ mời thầu:

- Hồ sơ mời thầu phải bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Đấu thầu và mẫu hồ sơ mời thầu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành. Đối với các gói thầu được thực hiện sơ tuyển, trong hồ sơ mời thầu không cần quy định tiêu chuẩn đánh giá về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu song cần yêu cầu nhà thầu khẳng định lại các thông tin đã kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển và cập nhật thông tin về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.

- Hồ sơ mời thầu không được nêu cụ thể yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ của hàng hóa theo quy định tại khoản 5 Điều 12 của Luật Đấu thầu. Trường hợp đặc biệt cần thiết phải nêu nhãn hiệu, catalô của một nhà sản xuất nào đó, hoặc hàng hoá từ một nước nào đó để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về mặt kỹ thuật của hàng hóa thì phải ghi kèm theo cụm từ "hoặc tương đương" sau nhãn hiệu, catalô hoặc xuất xứ nêu ra và quy định rõ khái niệm tương đương nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các hàng hóa đã nêu.

3. Phê duyệt hồ sơ mời thầu

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của ả ghi định số 85/2009/ả Đ-CP.

4. Mời thầu

- Thông báo mời thầu

Đối với đấu thầu rộng rãi không có sơ tuyển, phải thực hiện đăng tải thông báo mời thầu (kể cả tiếng Anh đối với đấu thầu quốc tế) trên Báo Đấu thầu 3 kỳ liên tiếp và trên trang thông tin điện tử về đấu thầu. ả goài việc đăng tải theo quy định trên có thể đăng tải đồng thời trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.

- Gửi thư mời thầu

Áp dụng đối với đấu thầu hạn chế và đấu thầu rộng rãi đã qua sơ tuyển. Bộ phận được phân công mời thầu gửi thư mời thầu theo mẫu nêu tại Phụ lục II kèm theo ả ghi định này tới nhà thầu trong danh sách ngắn. Thời gian từ khi gửi thư mời thầu đến khi phát hành hồ sơ mời thầu tối thiểu là 5 ngày đối với đấu thầu trong nước, 7 ngày đối với đấu thầu quốc tế.

Điều 22. Quy định chung đối với tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật

1. Sử dụng phương pháp chấm điểm: Sử dụng thang điểm (100, 1.000,...) để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật. ả ội dung tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật đối với gói thầu mua sắm hàng hóa và xây lắp được nêu tại khoản 2 Điều 25 và khoản 2 Điều 26 của ả ghi định số 85/2009/ả Đ-CP.

2. Sử dụng tiêu chí "đạt", "không đạt": Tùy theo tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Hồ sơ dự thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là "đạt", các nội dung yêu cầu không cơ bản được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được".

Điều 23. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hoá

Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hoá gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật và nội dung xác định giá đánh giá, cụ thể như sau:

1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu áp dụng đối với gói thầu không tiến hành sơ tuyển, bao gồm:

- Kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự tại Việt ả am và ở nước ngoài; kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính có liên quan tới gói thầu;

- ả ăng lực sản xuất và kinh doanh, cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ cán bộ chuyên môn có liên quan tới gói thầu;

- ả ăng lực tài chính: tổng tài sản, tổng nợ phải trả, tài sản ngắn hạn, nợ ngắn hạn, doanh thu, lợi nhuận, giá trị hợp đồng đang thực hiện dở dang và các chỉ tiêu khác.

2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật được xây dựng theo quy định tại Điều 24 của Nghị định số 85/2009/Đ-CP và bao gồm các nội dung về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng đối với hàng hóa nêu trong hồ sơ mời thầu, cụ thể:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất và các nội dung khác;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành;
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Khả năng cung cấp tài chính (nếu có yêu cầu);
- Các yếu tố khác về điều kiện thương mại, tài chính, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ (nếu có).

3. Nội dung xác định giá đánh giá

Giá đánh giá là giá được xác định trên cùng một mặt bằng các yếu tố về kỹ thuật, tài chính, thương mại và các yếu tố khác dùng để so sánh, xếp hạng các hồ sơ dự thầu. Phương pháp xác định giá đánh giá phải được nêu trong tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu. Việc xác định giá đánh giá thực hiện theo trình tự sau đây:

- Xác định giá dự thầu (Trường hợp có thư giảm giá thì thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 70 của **Nghị định số 85/2009/NĐ-CP**);
- Sửa lỗi;
- Hiệu chỉnh các sai lệch;
- Chuyển đổi giá dự thầu (sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch) sang một đồng tiền chung (nếu có);
- Đưa các chi phí về một mặt bằng để xác định giá đánh giá, bao gồm:
 - + Các điều kiện về mặt kỹ thuật như: tiến độ thực hiện; công suất, hiệu suất của máy móc thiết bị; mức tiêu hao điện năng, nguyên, nhiên vật liệu; chi phí vận hành, duy tu, bảo dưỡng; tuổi thọ và các yếu tố kỹ thuật khác tùy theo từng gói thầu cụ thể;
 - + Điều kiện tài chính, thương mại;
 - + Ưu đãi trong đấu thầu quốc tế (nếu có);
 - + Các yếu tố khác.

Điều 24. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu xây lắp

Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu xây lắp gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật và nội dung xác định giá đánh giá, cụ thể như sau:

1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu áp dụng đối với gói thầu không tiến hành sơ tuyển, bao gồm:

- Kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự ở Việt Nam, ở vùng địa lý và hiện trường tương tự;
- ả ảng lực kỹ thuật: số lượng, trình độ cán bộ, công nhân kỹ thuật trực tiếp thực hiện gói thầu và số lượng thiết bị thi công sẵn có, khả năng huy động thiết bị thi công để thực hiện gói thầu;
- ả ảng lực tài chính: tổng tài sản, tổng nợ phải trả, tài sản ngắn hạn, nợ ngắn hạn, doanh thu, lợi nhuận, giá trị hợp đồng đang thực hiện dở dang và các chỉ tiêu khác.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c khoản này phải căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu.

Các tiêu chuẩn đánh giá quy định tại khoản này được sử dụng theo tiêu chí "đạt,"không đạt. ả hà thầu "đạt" cả 3 nội dung nêu trên thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật:

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật được xây dựng theo quy định tại Điều 24 của   ghị định số 85/2009/  Đ-CP và bao gồm các nội dung về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng đối với hàng hóa nêu trong hồ sơ mời thầu, cụ thể:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành;
- Các biện pháp bảo đảm chất lượng;
- Tiến độ thi công;
- Các nội dung khác (nếu có).

3. Nội dung xác định giá đánh giá:

Giá đánh giá là giá được xác định trên cùng một mặt bằng các yếu tố về kỹ thuật, tài chính, thương mại và các yếu tố khác dùng để so sánh, xếp hạng các hồ sơ dự thầu. Phương pháp xác định giá đánh giá phải được nêu trong tiêu chuẩn đánh giá. Việc xác định giá đánh giá thực hiện theo trình tự sau đây:

- Xác định giá dự thầu (trường hợp có thư giảm giá, thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 70 của   ghị định số 85/2009/  Đ-CP);
- Sửa lỗi;
- Hiệu chỉnh các sai lệch;
- Chuyển đổi giá dự thầu (sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch) sang một đồng tiền chung (nếu cần);
- Đưa các chi phí về một mặt bằng để xác định giá đánh giá, bao gồm:
 - * Các điều kiện về mặt kỹ thuật như: tiến độ thực hiện; chi phí quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng, tuổi thọ công trình và các yếu tố kỹ thuật khác tùy theo từng gói thầu cụ thể;
 - * Điều kiện tài chính, thương mại;
 - * Ưu đi trong đấu thầu quốc tế (nếu có);
 - * Các yếu tố khác.

Tùy theo tính chất của từng gói thầu mà quy định các yếu tố để xác định giá đánh giá cho phù hợp. Xếp hạng thứ tự hồ sơ dự thầu theo giá đánh giá, hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất.

Điều 25. Tổ chức đấu thầu

1. Phát hành hồ sơ mời thầu

- Bộ phận được phân công mời thầu bán hồ sơ mời thầu tới trước thời điểm đóng thầu cho các nhà thầu trong danh sách trúng sơ tuyển (trong trường hợp có sơ tuyển), các nhà thầu được mời tham gia đấu thầu hạn chế hoặc các nhà thầu có nhu cầu tham gia đối với đấu thầu rộng rãi với mức giá bán hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của   ghị định số 85/2009/  Đ-CP. Đối với nhà thầu liên danh thì chỉ cần một thành viên trong liên danh mua hồ sơ mời thầu.

- Việc sửa đổi và làm rõ hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 33 và Điều 34 của Luật Đấu thầu.

2. Chuẩn bị, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự thầu:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 17 của   ghị định số 85/2009/  Đ-CP .

3. Mở thầu:

- Việc mở thầu được tiến hành công khai ngay sau thời điểm đóng thầu theo thời gian và địa điểm quy định trong hồ sơ mời thầu trước sự chứng kiến của những người có mặt và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu được mời. Bên mời thầu có thể mời đại diện của các cơ quan liên quan đến tham dự lễ mở thầu;

- Bộ phận được phân công mời thầu tiến hành mở lần lượt hồ sơ dự thầu của từng nhà thầu có tên trong danh sách mua hồ sơ mời thầu và nộp hồ sơ dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu. Trình tự mở thầu được thực hiện như sau:

- Kiểm tra niêm phong hồ sơ dự thầu;

- Mở, đọc và ghi vào biên bản mở thầu các thông tin chủ yếu sau đây:

* Tên nhà thầu;

* Số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ dự thầu;

* Thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;

* Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu và giảm giá (nếu có);

* Giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu;

* Văn bản đề nghị sửa đổi hồ sơ dự thầu (nếu có);

* Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu cần được đại diện bên mời thầu, đại diện các nhà thầu, và đại diện các cơ quan liên quan tham dự ký xác nhận.

Sau khi mở thầu, bộ phận được phân công mời thầu phải ký xác nhận vào từng trang bản gốc của từng hồ sơ dự thầu và quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ "mật". Việc đánh giá hồ sơ dự thầu được tiến hành theo bản chụp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc cũng như về niêm phong của hồ sơ dự thầu.

Điều 26. Đánh giá hồ sơ dự thầu

Việc đánh giá hồ sơ dự thầu tiến hành theo tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác nêu trong hồ sơ mời thầu, theo nguyên tắc đánh giá quy định tại Điều 28 của Luật Đấu thầu và trình tự đánh giá quy định tại Điều 35 của Luật Đấu thầu, khoản 9 Điều 2 của Luật sửa đổi.

1. Đánh giá sơ bộ

a) Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu:

- Tính hợp lệ của đơn dự thầu: đơn dự thầu phải được điền đầy đủ và có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo quy định trong văn bản thoả thuận liên danh;

- Tính hợp lệ của thoả thuận liên danh: trong thoả thuận liên danh phải phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn, khối lượng công việc phải thực hiện và giá trị tương ứng của từng thành viên trong liên danh, kể cả người đứng đầu liên danh và trách nhiệm của người đứng đầu liên danh; chữ ký của các thành viên, con dấu (nếu có);

- Có một trong các loại giấy tờ theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư; quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp; Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất hoặc giấy ủy quyền bán hàng của đại lý phân phối (nếu có yêu cầu);

- Số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ dự thầu;

- Sự hợp lệ của bảo đảm dự thầu;

- Các phụ lục, tài liệu kèm theo hồ sơ dự thầu.

b) Loại bỏ hồ sơ dự thầu không đáp ứng các điều kiện tiên quyết quy định trong hồ sơ mời thầu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP.

c) Đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm nêu trong hồ sơ mời thầu đối với gói thầu không tiến hành sơ tuyển. Tùy theo điều kiện của từng gói thầu, việc đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu có thể được thực hiện tại bước đánh giá sơ bộ đối với tất cả nhà thầu có hồ sơ dự thầu hợp lệ, không vi phạm điều kiện tiên quyết hoặc việc đánh giá năng lực, kinh nghiệm được thực hiện sau khi xác định giá đánh giá và phải được quy định trong hồ sơ mời thầu. Nhà thầu phải được đánh

giá đạt yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định trong hồ sơ mời thầu thì hồ sơ dự thầu mới được xem xét ở các bước tiếp theo.

2. Đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu

a) Đánh giá về mặt kỹ thuật

Đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật được quy định trong hồ sơ mời thầu. Trong quá trình xem xét, phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật, trường hợp cần thiết, chủ đầu tư có thể yêu cầu bên mời thầu đánh giá lại về mặt kỹ thuật đối với các hồ sơ dự thầu của nhà thầu có số điểm xấp xỉ đạt mức yêu cầu tối thiểu song có giá dự thầu thấp và có khả năng mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án.

b) Xác định giá đánh giá

Việc xác định giá đánh giá thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 và khoản 3 Điều 26 của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP.

3. Xếp hạng hồ sơ dự thầu theo giá đánh giá

Hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất. Trường hợp chưa tiến hành sơ tuyển hoặc chưa đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu tại bước đánh giá sơ bộ thì sau khi chủ đầu tư phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu theo giá đánh giá, bên mời thầu tiến hành đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu được xếp thứ nhất. Trường hợp năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu xếp thứ nhất không đáp ứng yêu cầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu bị loại và tiếp tục đánh giá năng lực và kinh nghiệm của các nhà thầu được xếp hạng tiếp theo.

Điều 27. Sửa lỗi và hiệu chỉnh các sai lệch

1. Sửa lỗi

Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong hồ sơ dự thầu bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

- Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện cc php tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác:

- Các lỗi khác: Sửa lỗi theo mục b khoản 1 điều 30 của **Nghị định số 85/2009/NĐ-CP**

2. Hiệu chỉnh các sai lệch:

Hiệu chỉnh các sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa trong hồ sơ dự thầu so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện theo khoản 2 điều 30 của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP.

Điều 28. Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng

1. Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu:

Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Luật Đấu thầu, khoản 10, khoản 11 Điều 2 của Luật sửa đổi v khoản 2, khoản 3 Điều 20, Điều 71, Điều 72 của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP.

2. Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng:

- Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 42 và Chương III của Luật Đấu thầu, khoản 14, khoản 16, khoản 17 Điều 2 của Luật sửa đổi và Mục 2 Chương VI của Luật Xây dựng.

- Trường hợp thương thảo, hoàn thiện hợp đồng không thành, Công ty xem xét, quyết định huỷ kết quả đấu thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo trúng thầu để có cơ sở pháp lý mời vào thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Trong trường hợp này, phải yêu cầu nhà thầu gia hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu và bảo đảm dự thầu nếu cần thiết.

Điều 29. Lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu quy mô nhỏ

1. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có giá không quá 5 tỷ đồng, xây lắp hoặc gói thầu lựa chọn tổng thầu xây dựng (trừ tổng thầu thiết kế) có giá không quá 8 tỷ đồng, việc đấu

thầu rộng rãi hoặc hạn chế được thực hiện theo trình tự quy định tại Mục A từ điều 22 đến điều 29 của quy chế này, nhưng trong hồ sơ mời thầu không cần nêu tiêu chuẩn đưa về cùng một mặt bằng để xác định giá đánh giá, không cần xác định giá đánh giá trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu và không cần phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật trước khi tiến hành sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch. ả nhà thầu sẽ được xem xét đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có hồ sơ dự thầu hợp lệ;
- Được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm;
- Có đề xuất về mặt kỹ thuật được đánh giá là đáp ứng yêu cầu theo tiêu chí "đạt", "không đạt";
- Có giá dự thầu sau sửa lỗi v hiệu chỉnh sai lệch thấp nhất;
- Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt.

2. Các mốc thời gian trong đấu thầu đối với gói thầu quy mô nhỏ được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ mời thầu được phát hành kể từ ngày thông báo mời thầu đến trước thời điểm đóng thầu;

b) Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 15 ngày, kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu. Trường hợp cần sửa đổi hồ sơ mời thầu, Bộ phận được phân công mời thầu phải thông báo cho các nhà thầu trước thời điểm đóng thầu là 3 ngày để nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu;

c) Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu tối đa là 45 ngày tùy quy mô gói thầu, kể từ ngày mở thầu đến khi bộ phận được phân công mời thầu có báo cáo về kết quả đấu thầu trình Công ty xem xét, quyết định.

3. Giá trị bảo đảm dự thầu tối đa 1 3% giá gói thầu và giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng tối đa bằng 10% gi trị Hợp đồng.

B. ĐẤU THẦU HAI GIAI ĐOẠN

Điều 30. Chuẩn bị đấu thầu giai đoạn I

1. Việc sơ tuyển nhà thầu được thực hiện theo quy định tại Chương III của **Nghị định số 85/2009/NĐ-CP**.

2. Lập hồ sơ mời thầu giai đoạn I

- Căn cứ lập hồ sơ mời thầu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 của quy chế này
- Hồ sơ mời thầu giai đoạn I có nội dung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 của quy chế này nhưng không yêu cầu nhà thầu đề xuất về giá dự thầu và không yêu cầu thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu.

3. Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 của quy chế này .

4. Việc mời thầu giai đoạn I thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 của quy chế này.

Điều 31. Tổ chức đấu thầu giai đoạn I

1. Phát hành hồ sơ mời thầu

2. ả nhận và quản lý hồ sơ dự thầu giai đoạn I

Bộ phận được phân công mời thầu tiếp nhận và quản lý các hồ sơ dự thầu được nộp theo chế độ quản lý hồ sơ "mật". Hồ sơ dự thầu nộp sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ và bị loại.

3. Mở thầu

Việc mở thầu được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 của Quy chế này. Biên bản mở thầu không bao gồm các thông tin về giá dự thầu và bảo đảm dự thầu.

4. Trao đổi về hồ sơ dự thầu giai đoạn I

Căn cứ các yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu, bên mời thầu tiến hành trao đổi với từng nhà thầu nhằm chuẩn xác yêu cầu về mặt kỹ thuật của gói thầu. Ồi dung trao đổi phải được bên mời thầu ghi lại thành biên bản để có cơ sở hình thành hồ sơ mời thầu giai đoạn II.

Điều 32. Chuẩn bị, tổ chức đấu thầu giai đoạn II

1. Lập hồ sơ mời thầu giai đoạn II

Trong hồ sơ mời thầu giai đoạn II, cần xác định rõ chi tiết các yêu cầu về mặt kỹ thuật, yêu cầu về tài chính (bao gồm giá dự thầu), thương mại cũng như yêu cầu về biện pháp bảo đảm dự thầu.

Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu giai đoạn II được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của ảghị định số 85/2009/ả Đ-CP .

2. Tổ chức đấu thầu:

Hồ sơ mời thầu giai đoạn II được bán cho các nhà thầu được nộp hồ sơ dự thầu giai đoạn I với mức giá bán quy định tại khoản 1 Điều 6 của ảghị định số 85/2009/ả Đ-CP. Việc tổ chức đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Quy chế này.

Điều 33. Đánh giá hồ sơ dự thầu giai đoạn II

Việc đánh giá hồ sơ dự thầu giai đoạn II được thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Quy chế này.

Điều 34. Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng

Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu và thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 28 của Quy chế này .

C. CHỈ ĐỊNH THẦU

Điều 35 . Các trường hợp được chỉ định thầu và điều kiện áp dụng

1. Gói thầu có giá trong hạn mức được chỉ định thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Luật sửa đổi bao gồm:

- Gói thầu dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 3 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa có giá gói thầu không quá 2 tỷ đồng, gói thầu xây lắp, gói thầu lựa chọn tổng thầu xây dựng (trừ gói thầu lựa chọn tổng thầu thiết kế) có giá gói thầu không quá 5 tỷ đồng thuộc dự án đầu tư phát triển quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật Đấu thầu, dự án cải tạo sửa chữa lớn của doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật Đấu thầu;

- Gói thầu mua sắm tài sản có giá không quá 100 triệu đồng để duy trì hoạt động thường xuyên quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật Đấu thầu.

Trường hợp không cần thiết chỉ định thầu thì tổ chức đấu thầu theo quy định.

2. Điều kiện áp dụng chỉ định thầu

Khi thực hiện chỉ định thầu phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây, trừ gói thầu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 của Luật Đấu thầu:

- Có quyết định đầu tư .
- Có kế hoạch đấu thầu được duyệt;
- Đã được bố trí vốn theo yêu cầu tiến độ thực hiện gói thầu. Không quy định nhà thầu ứng vốn để thực hiện gói thầu là điều kiện để chỉ định thầu;

- Có dự toán được duyệt theo quy định;

- Có thời gian thực hiện chỉ định thầu kể từ ngày phê duyệt hồ sơ yêu cầu đến ngày ký kết hợp đồng đảm bảo không quá 45 ngày; trường hợp gói thầu có quy mô lớn, phức tạp không quá 90 ngày;

- Có thời gian thực hiện hợp đồng không quá 18 tháng.

Điều 36 . Quy trình chỉ định thầu

1. Quy trình chỉ định thầu thông thường đối với một gói thầu bao gồm:

a) Lập và phê duyệt hồ sơ yêu cầu

Hồ sơ yêu cầu do bên mời thầu lập theo yêu cầu tại mục a khoản 1 điều 41 của nghị định số 85/2009/ă Đ-CP. Công ty phê duyệt hồ sơ yêu cầu và xác định một nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu được nhận hồ sơ yêu cầu.

b) Bộ phận được phân công mời thầu phát hành hồ sơ yêu cầu cho nhà thầu đã được Công ty xác định. ă hà thầu được đề nghị chỉ định thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất trên cơ sở hồ sơ yêu cầu, bao gồm đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính, thương mại.

c) Đánh giá hồ sơ đề xuất và đàm phán về các đề xuất của nhà thầu

Bộ phận được phân công mời thầu tiến hành đánh giá hồ sơ đề xuất của nhà thầu và đàm phán về các đề xuất của nhà thầu theo yêu cầu trong hồ sơ yêu cầu. Trong quá trình đánh giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu đến đàm phán, giải thích, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung thông tin cần thiết của hồ sơ đề xuất nhằm chứng minh sự đáp ứng của nhà thầu theo yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện của hồ sơ yêu cầu;

ă hà thầu được đề nghị trúng chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực và kinh nghiệm theo hồ sơ yêu cầu;

- Có đề xuất về kỹ thuật được đánh giá là đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu căn cứ theo tiêu chuẩn đánh giá;

- Có giá đề nghị chỉ định thầu không vượt dự toán được duyệt cho gói thầu.

d) Trình, thẩm định và phê duyệt kết quả chỉ định thầu

Trên cơ sở báo cáo kết quả chỉ định thầu và báo cáo thẩm định, chủ đầu tư phê duyệt kết quả chỉ định thầu.

đ) Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng v ký kết hợp đồng

Trên cơ sở quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu, Bộ phận được phân công mời thầu tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu được chỉ định thầu để Công ty ký kết hợp đồng.

D. CÁC HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU KHÁC

Điều 37. Mua sắm trực tiếp

Việc áp dụng hình thức mua sắm trực tiếp phải được phê duyệt trong kế hoạch đấu thầu trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 21 của Luật Đấu thầu đối với hợp đồng đã ký với nhà thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế.

Quy trình mua sắm trực tiếp được thực hiện như sau:

1. Công ty phê duyệt hồ sơ yêu cầu để làm cơ sở cho nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất;

2. Việc đánh giá hồ sơ đề xuất được thực hiện theo các nội dung sau:

- Kiểm tra các nội dung về mặt kỹ thuật và đơn giá;

- Cập nhật năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu;

- Đánh giá tiến độ thực hiện;

- Các nội dung khác (nếu có).

3. Trình duyệt, thẩm định và phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp

Trên cơ sở báo cáo kết quả mua sắm trực tiếp, báo cáo thẩm định, chủ đầu tư phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp.

Điều 38. Cho hàng cạnh tranh trong mua sắm hàng hóa

Việc áp dụng hình thức cho hàng cạnh tranh phải được phê duyệt trong kế hoạch đấu thầu trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 22 của Luật Đấu thầu.

Quy trình chào hàng cạnh tranh trong mua sắm hàng hoá được thực hiện theo quy định tại điều 43 của nghị định số 85/2009/ă Đ-CP . bao gồm :

- Hồ sơ yêu cầu

-Tổ chức chào hàng

- Đánh giá các hồ sơ đề xuất
- Phê duyệt kết quả chào hàng và ký kết hợp đồng

Điều 39. Tự thực hiện

Việc áp dụng hình thức tự thực hiện phải được phê duyệt trong kế hoạch đầu thầu trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 23 của Luật Đầu thầu và điểm a khoản 1 của các Điều 41, Điều 50, Điều 57, Điều 75, Điều 89 và điểm b khoản 2 Điều 45 của Luật Xây dựng và theo quy định cụ thể tại khoản 1 đến khoản 4 điều 44 của nghị định số 85/2009/ă Đ-CP bao gồm :

- Công ty tự thực hiện gói thầu khi và chỉ khi bảo đảm có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện toàn bộ công việc thuộc gói thầu và phải bảo đảm mang lại hiệu quả cao hơn so với việc lựa chọn nhà thầu khác để thực hiện gói thầu cũng như phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại khoản 1 điều 44 của nghị định số 85/2009/ă Đ-CP :

- Công ty phải lựa chọn theo quy định của Luật Đầu thầu một nhà thầu tư vấn giám sát độc lập theo quy định của pháp luật để giám sát việc thực hiện gói thầu .

- ă hà thầu tư vấn giám sát có nhiệm vụ quy định theo khoản 3 điều 44 của nghị định số 85/2009/ă Đ-CP.

CHƯƠNG IV PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN TRONG QUÁ TRÌNH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TẠI CÔNG TY

Điều 40. Quyền hạn, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty:

- Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn và hàng năm của Công ty.
- Phê duyệt dự án đầu tư theo thẩm quyền được quy định trong điều lệ của Công ty.
- Phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán, tổng dự toán công trình.
- Phê duyệt kế hoạch đầu thầu.
- Phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án .
- Phê duyệt kết quả đầu thầu.
- Phê duyệt quyết toán công trình.

Điều 41. Quyền hạn, nhiệm vụ của Tổng giám đốc Công ty:

- Chỉ đạo lập kế hoạch đầu tư xây dựng trung hạn và hàng năm, trình HĐQT Công ty phê duyệt.
- Chỉ đạo công tác lập, thẩm định dự án đầu tư, trình HĐQT Công ty phê duyệt.
- Chỉ đạo công tác lập, thẩm định thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình, trình HĐQT Công ty phê duyệt.
- Chỉ đạo công tác lập kế hoạch đầu thầu, trình HĐQT Công ty phê duyệt.
- Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (Sau khi bước thiết kế kỹ thuật và dự toán đã được HĐQT Công ty phê duyệt).
- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu.
- Quyết định thành lập tổ chuyên gia xét thầu.
- Chỉ đạo công tác lựa chọn nhà thầu, trình HĐQT Công ty phê duyệt kết quả đầu thầu.
- Quyết định phê duyệt hợp đồng tư vấn, xây lắp, cung cấp thiết bị. Đại diện Công ty ký kết hợp đồng với nhà thầu trúng thầu.
- Quyết định tổng tiến độ thi công công trình.
- Chỉ đạo công tác nghiệm thu, quyết toán, bàn giao công trình đưa vào sử dụng, trình HĐQT phê duyệt quyết toán công trình.

Điều 42. Chức năng, nhiệm vụ của phòng Pháp chế – Đầu tư:

- **Chức năng:** Phòng PC-ĐT là phòng chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực sau :

- Công tác đầu tư .
- Lập, thẩm định và trình duyệt các dự án đầu tư do Công ty làm chủ đầu tư .

- **Nhiệm vụ của phòng PC-ĐT:**

- Soạn thảo các quy định về công tác chuẩn bị đầu tư, triển khai thực hiện đầu tư và các công tác trong quản lý đầu tư, chủ trì việc xây dựng quy chế đầu tư đối với dự án đầu tư phát triển của Công ty để trình Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký duyệt và ban hành .
- Phối hợp cùng các phòng ban chức năng lập kế hoạch và theo dõi giám sát công tác cải tạo, nâng cấp mở rộng, sửa chữa định kỳ các tài sản, trang thiết bị của Công ty theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc Công ty .
- Đề xuất hình thức đầu tư, Giải pháp tổ chức thực hiện trình Tổng Giám đốc Công ty (tự thực hiện hoặc thuê tư vấn).
- Phối hợp Phòng Tài chính- Kế toán Công ty làm việc với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước tìm kiếm nguồn vốn đầu tư của các dự án để cân đối trong kế hoạch đầu tư XDCB hàng năm và dài hạn.
- Phối hợp với phòng KT-KT, Phòng QLM và Ban quản lý dự án của Công ty để triển khai các dự án.
- Là đầu mối trong quan hệ với các ngành hữu quan để hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý về đất, đền bù giải tỏa, thỏa thuận địa điểm, xin chủ trương thỏa thuận kiến trúc, xin chủ trương đầu tư.
- Kết hợp cùng các phòng ban nghiệp vụ trong công ty thẩm định dự án, nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng và theo dõi thủ tục thanh quyết toán vốn đầu tư.
- Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu có liên quan đến nghiệp vụ đầu tư và xây dựng công trình.

Điều 43. Quyền hạn, nhiệm vụ của Phòng Tài chính – Kế toán:

- Giúp Tổng giám đốc Công ty trong việc quản lý triển khai thực hiện dự án về mặt kinh tế, tài chính.
- Chủ trì, phối hợp với Phòng Pháp chế – Đầu tư làm việc với các cơ quan chức năng của Bộ, ngành Trung ương và địa phương để thu xếp các nguồn vốn đầu tư cho dự án và huy động vốn đầu tư hàng năm theo kế hoạch vốn đầu tư và tiến độ triển khai thực hiện dự án.
- Lập kế hoạch vay và hoàn trả các nguồn vốn đầu tư.
- Kiểm tra toàn diện hồ sơ thanh toán và trình Tổng giám đốc Công ty thanh toán cho các nhà thầu thi công xây lắp, cung cấp thiết bị và các dịch vụ tư vấn.
- Tham gia quyết toán công trình.
- Tham gia thực hiện các công việc thuộc trình tự đầu tư xây dựng: thẩm định dự án đầu tư xây dựng, lựa chọn nhà thầu, hợp đồng giao nhận thầu.
- Tham gia trong công tác nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa hạng mục công trình, công trình vào sử dụng.
- Lưu trữ, các hồ sơ liên quan đến thanh quyết toán công trình (bộ gốc).
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng giám đốc, HĐQT Công ty yêu cầu.

Điều 44. Quyền hạn, nhiệm vụ của Phòng Quản lý máy:

- Chủ trì thực hiện các thủ tục mua sắm thiết bị và giúp Tổng giám đốc Công ty trong việc hướng dẫn đơn vị sử dụng quản lý, vận hành khai thác sử dụng các thiết bị của dự án.
- Tham gia lập tiêu chí kỹ thuật, thang điểm mời thầu cung cấp thiết bị.
- Tham gia tiếp nhận và nghiệm thu các thiết bị của dự án giao cho đơn vị sử dụng theo quy định hiện hành của Công ty.
- Hướng dẫn lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cho đơn vị sử dụng thiết bị.

- Kiểm tra, giám sát các đơn vị sử dụng và cung cấp thiết bị trong công tác hướng dẫn bảo hành.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng giám đốc, HĐQT Công ty yêu cầu.

Điều 45. Quyền hạn, nhiệm vụ của Phòng Kinh tế – kỹ thuật.:

- Chủ trì, phối hợp các phòng chức năng lập kế hoạch đầu tư xây dựng hàng năm, 5 năm nhằm đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất trong triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng của Công ty, trình HĐQT Công ty xem xét chấp thuận để trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.
- Phối hợp thực hiện các công việc quản lý đầu tư xây dựng các dự án Công ty làm chủ đầu tư :
 - Tham gia thực hiện các công việc thuộc trình tự đầu tư xây dựng công trình.
 - Tham gia nghiệm thu hoàn thành giai đoạn xây lắp, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng.
 - Tham gia quyết toán công trình.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng giám đốc, HĐQT Công ty yêu cầu.

Điều 46. Quyền hạn, nhiệm vụ của Ban quản lý dự án do Công ty làm chủ đầu tư.

- Ban quản lý dự án do chủ đầu tư lập ra và chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật trong việc quản lý dự án đầu tư, triển khai thực hiện các công việc bắt đầu từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư cho đến khi kết thúc xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng.
 - Thực hiện các thủ tục về giao nhận đất, xin cấp phép xây dựng, chuẩn bị mặt bằng xây dựng và các công việc khác phục vụ cho việc xây dựng công trình .
 - Chuẩn bị hồ sơ thiết kế, dự toán XDCT, tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán công trình, trình chủ đầu tư phê duyệt theo quy định.
 - Lập hồ sơ mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu.
 - Đàm phán, ký kết hợp đồng với các nhà thầu theo ủy quyền của chủ đầu tư .
 - ả nghiệm thu, thanh toán, quyết toán theo hợp đồng.
 - Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn môi trường của công trình xây dựng .
 - ả nghiệm thu, bàn giao công trình .
 - Lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư hàng năm, báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng.

CHƯƠNG V

THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.1

Điều 47. Trình tự triển khai dự án đầu tư xây dựng mới và cải tạo mở rộng do Công ty làm chủ đầu tư .

Sau khi có chủ trương đầu tư được phê duyệt, Công ty tiến hành thực hiện dự án theo các bước sau :

1- Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình:

Bộ phận được giao nhiệm vụ đại diện Công ty chịu trách nhiệm lập hoặc thuê tư vấn lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình theo đúng quy định để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp quyết định đầu tư hiện hành. ả nhiệm vụ thiết kế phải phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

ả nhiệm vụ thiết kế phải nêu rõ các nội dung cơ bản sau: Mục tiêu xây dựng công trình, căn cứ để lập nhiệm vụ thiết kế, địa điểm xây dựng, các yêu cầu về quy hoạch, cảnh quan và

kiến trúc, quy mô công trình, các yêu cầu về công năng sử dụng, kiến trúc, mỹ thuật và kỹ thuật của công trình.

2. Lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư.
3. Thực hiện công tác khảo sát, lập dự án đầu tư.
4. Trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế dự toán xây dựng công trình.
5. Lựa chọn nhà thầu thi công.
6. Tổ chức giám sát, thi công, nghiệm thu, thanh toán.

Căn cứ quyết định chỉ định nhà thầu thi công (hoặc quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu xây lắp), quyết định phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế dự toán, hồ sơ thiết kế thi công và dự toán chi tiết được duyệt. Công ty ký kết hợp đồng kinh tế về việc giao nhận thầu thi công, tổ chức giám sát thi công, nghiệm thu khối lượng hoàn thành và thanh toán vốn theo đúng quy định.

Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ đại diện Công ty phải chịu trách nhiệm về tiến độ thực hiện, chất lượng công trình và trình tự các bước từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành bàn giao, quyết toán công trình theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng cơ bản hoàn thành:

Bộ phận được giao nhiệm vụ đại diện Công ty chịu trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ hoàn công, lập và nộp báo cáo quyết toán công trình đảm bảo đúng thời gian, nội dung quy định của Bộ Tài chính Hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư.

Hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng cơ bản hoàn thành thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, đảm bảo phù hợp quy định của Bộ Tài chính.

8. Quản lý, khai thác và sử dụng

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Điều 48. Về tổ chức quản lý nghiệp vụ.

1. Để đảm bảo cho việc quản lý công tác đầu tư phát triển, Công ty phải hình thành bộ máy chuyên quản công tác đầu tư phát triển, phải trực tiếp chỉ đạo hoạt động của bộ máy này hoặc giao cho một Phó tổng giám đốc giúp việc quản lý.

2. Phòng Pháp chế – Đầu tư Công ty là đầu mối nhận chỉ đạo, hướng dẫn và báo cáo Tổng Giám đốc Công ty trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

Điều 49. Về cán bộ quản lý.

1. Lựa chọn, bố trí cán bộ có năng lực chuyên môn và trình độ quản lý giỏi trực tiếp tham gia vào các Ban quản lý dự án, các Tổ chuyên gia xét thầu.

2. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý dự án, cán bộ nghiệp vụ về đầu tư thông qua các khoá tập huấn ngắn hạn do Tổng Công ty, Bộ Xây dựng và các Bộ ngành khác tổ chức.

Điều 50. Các phòng, ban chuyên môn của Công ty.

Có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ đối với các hoạt động của các bộ phận chuyên quản nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và phát triển theo định hướng chung của Công ty trong công tác đầu tư phát triển.

Điều 51. Chế độ báo cáo.

Phòng Pháp chế – Đầu tư Công ty thực hiện tổng hợp báo cáo định kỳ về đầu tư xây dựng đúng thời hạn, đúng biểu mẫu và đầy đủ nội dung theo quy định của ả hà nước và của Tổng Công ty.

Điều 52. Điều khoản thi hành

1. ả goài các quy định chi tiết trong Quy chế này, các đơn vị phải nghiên cứu kỹ các văn bản quy phạm pháp luật ả hà nước để triển khai công tác đầu tư phát triển theo đúng các quy định hiện hành của ả hà nước.

2. Tổng giám đốc Công ty, Trưởng các phòng, ban liên quan của Công ty, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định này.

Trong quá trình thực hiện Quy chế này nếu phát hiện những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, đề nghị các đơn vị kiến nghị kịp thời để bổ sung hoàn chỉnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.1
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ